

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUYẾT THẮNG LỢI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUYẾT THẮNG LỢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110263361

3. Ngày thành lập: 24/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9 ngách 136 ngõ 1194 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0876450789

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc; - Thử độ ẩm và các công việc thử nước; - Chống ẩm các toà nhà, - Xây gạch và đặt đá, - Lợp mái bao phủ toà nhà,	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
12.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn bánh kẹo;	4632

13.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn;	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
27.	Khai thác gỗ	0220
28.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
29.	Khai thác và thu gom than non	0520
30.	Dịch vụ đóng gói	8292
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
32.	Đào tạo trung cấp	8532
33.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: -Khảo sát xây dựng; -Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; -Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; -Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; -Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; (Điều 83 Nghị định 15/2021/NĐ-CP hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng)	7110
35.	Quảng cáo	7310
36.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
37.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710
39.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
40.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket), cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
44.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
45.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác...	0899
46.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
47.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
48.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
49.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
50.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
51.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
52.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
53.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
54.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
55.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

56.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
57.	Sản xuất rượu vang	1102
58.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
59.	Sản xuất sợi	1311
60.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
61.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
62.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
63.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
64.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
65.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
66.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
67.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
68.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
69.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
71.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
72.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
73.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
74.	In ấn	1811
75.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
76.	Sản xuất than cốc	1910
77.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
78.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất đá nhân tạo;	2220
79.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
80.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
81.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
82.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
83.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
84.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
85.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
86.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2420
87.	Đúc sắt, thép	2431

88.	Đúc kim loại màu (Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
89.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
90.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
91.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
92.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
93.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
94.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương)	2599
95.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
96.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
97.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
98.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
99.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
100.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
101.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị hàn không dùng điện.	2819
102.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
103.	Sản xuất máy luyện kim	2823
104.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
105.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
106.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
107.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
108.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
109.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
110.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

111.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
112.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
113.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
115.	Bốc xếp hàng hóa	5224
116.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa (Không bao gồm dịch vụ bưu chính); - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
117.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
118.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);	5610
119.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
120.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
121.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
122.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
123.	Đại lý du lịch	7911
124.	Điều hành tua du lịch	7912
125.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
126.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
127.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
128.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
129.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
130.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
131.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
132.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
133.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
134.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
135.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
136.	Thu gom rác thải độc hại	3812
137.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
138.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
139.	Tái chế phế liệu	3830
140.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
141.	Xây dựng nhà không để ở	4102

142.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
143.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
144.	Xây dựng công trình điện	4221
145.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
146.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
147.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
148.	Xây dựng công trình thủy	4291
149.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
150.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
151.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
152.	Phá dỡ	4311
153.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
154.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
155.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
156.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
157.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
158.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
159.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
160.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ THÙY TIỀN	Thôn Nà Chuông, Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	6.000.000.000	60,000	0201990043 66	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	6.000.000.000	60,000		
2	CHU THỊ HỒNG NGỌC	Thôn Tam Mỹ, Xã Tân Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	2.500.000.000	25,000	0011990034 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	2.500.000.000	25,000		

3	NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG	Tổ 1, Khu 1b, Phường Quang Hanh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	1.500.000.000	15,000	0221980039 93
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	15.000	1.500.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ THUY TIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/10/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 020199004366

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Nà Chuông, Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nà Chuông, Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội